

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 05/9/2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân
2. Ông Hoàng Thanh Nghệ

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 05/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2022/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 19/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị K, sinh năm 1989

- *Bị đơn:* Anh Nông Văn T, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Thạch Thị K và anh Nông Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án chị Thạch Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nông Văn T vào ngày 30/5/2012. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Sau ngày cưới vợ chồng chị về làm ăn và chung sống tại thôn H, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Vợ chồng chị cũng sống ly thân từ năm 2021 đến nay không còn đi lại quan tâm gì đến nhau. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nông Thành Đ, sinh ngày 31/3/2013 và cháu Nông Hoài A, sinh ngày 31/12/2018. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu A, còn cháu Đ chị muốn giao cháu cho anh T nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/6/2022 và biên bản hòa giải anh Nông Văn T trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị Thạch Thị K như chị K trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh xác định vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn vào năm 2021. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến cãi chửi nhau. Quan điểm của anh là tình cảm vợ chồng vẫn còn anh không nhất trí ly hôn với chị K.

Về con chung: Anh T xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nông Thành Đ, sinh ngày 31/3/2013 và cháu Nông Hoài A, sinh ngày 31/12/2018. Khi ly hôn anh đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ và nhất trí giao cháu A cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, nợ chung: Anh T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị K, xử cho chị Thạch Thị K được ly hôn với anh Nông Văn T. Giao cháu Nông Thành Đ, sinh ngày 31/3/2013 cho anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nông Hoài A, sinh ngày 31/12/2018 cho chị Thạch Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị K và anh T đều xác định không có nên không xem xét. Các đương sự phải chịu án phí và được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Thạch Thị K và anh Nông Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly

hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Thạch Thị K và anh Nông Văn T đều có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn H, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị K, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị K và anh T xác định: Chị K và anh T kết hôn vào năm 2012. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn H, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2021 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau. Vợ chồng anh chị cũng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Bản thân chị K xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng thừa nhận việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị K là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Quá trình giải quyết ly hôn chị Thạch Thị K có quan điểm đề nghị được quyền nuôi dưỡng giáo dục cháu Nông Hoài A, sinh năm 2018, còn cháu Nông Thành Đ, sinh năm 2013 chị muốn giao cháu cho anh T nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện: Chị K và anh T có 02 con chung là cháu Nông Thành Đ, sinh ngày 31/3/2013 và cháu Nông Hoài A, sinh ngày 31/12/2018. Bản thân cháu Nông Thành Đ cũng thể hiện nguyện vọng muốn được ở cùng anh T. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nông Thành Đ, sinh ngày 31/3/2013 cho anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nông Hoài A, sinh ngày 31/12/2018 cho chị Thạch Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị K và anh T đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Thạch Thị K phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nông Văn T không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị K về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Nông Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị K được ly hôn với anh Nông Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nông Thành Đ, sinh ngày 31/3/2013 cho anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nông Hoài A, sinh ngày 31/12/2018 cho chị Thạch Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Thạch Thị K phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002117 ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nông Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã K (huyện Yên Sơn);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

